TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2021/DS-ST. Ngày: 19/01/2021 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp 12, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 12, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày: vào ngày 17/3/2020 có cho ông Nguyễn Phúc D vay số tiền

30.000.000 đồng, khi giao tiền có làm biên nhận, ông D hứa trong thời gian 01 tháng sẽ trả, nhưng đến nay ông D không trả số tiền trên. Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Phúc D trả số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tài liệu chứng cứ bà Nguyễn Thị Lệ H kèm theo đơn khởi kiện: Biên nhận ngày 17/3/2020 (bản chính).

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bị đơn ông Nguyễn Phúc D khai: Ngày 17/3/2020 có vay tiền của bà H, nhưng không tính lãi. Đồng ý trả tiền vay cho bà H là 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày và giữ nguyên yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Phúc D trả tiền vay 30.000.000 đồng. Ông Nguyễn Phúc D vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị Lệ H khởi kiện ông Nguyễn Phúc D yêu cầu trả tiền vay 30.000.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Phúc D tại ấp 12, xã V T, huyện V T, tỉnh H G, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Phúc D có yêu cầu vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu ông Nguyễn Phúc D trả tiền vay 30.000.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự "đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp". Ở đây bà Nguyễn Thị Lệ H chứng minh được ông Nguyễn Phúc D có nợ tiền bằng biên nhận mượn tiền tại bút lục 02. Ngoài ra, tại bản tự khai bút lục 19 ông Nguyễn Phúc D cũng thừa nhận có vay tiền của bà H. Nên xác định ông Nguyễn Phúc D có vay tiền của bà Nguyễn Thị Lệ H là sự thật. Áp dụng Điều 463, 466 buộc ông D phải có trách nhiệm trả tiền cho bà H.

[2.2]. Bà Nguyễn Thị Lệ H không yêu cầu tính lãi, nên không xem xét.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[4]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ H.

1. Buộc ông Nguyễn Phúc D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Lệ H số tiền vay là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Phúc D chịu 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

- Bà Nguyễn Thị Lệ H được nhận lại 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo biên lai số 0001241 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

5 . Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Tuyết Mai